

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 54/2025/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 19 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hà Nội

Căn cứ Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 55/2011/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2024/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 143/2016/NĐ-CP quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 140/2018/NĐ-CP và Nghị định số 24/2022/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 158/2018/NĐ-CP quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;

Căn cứ Nghị định số 86/2018/NĐ-CP quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 124/2024/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 125/2024/NĐ-CP quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 217/2025/NĐ-CP về hoạt động kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Thông tư số 15/2025/TT-BGDĐT hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Văn hóa - Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

Thực hiện Thông báo số 2293-TB/TU ngày 21 tháng 6 năm 2025 của Ban Thường vụ Thành ủy thông báo kết luận của Ban Thường vụ Thành ủy về một số nội dung liên quan đến việc sắp xếp tổ chức bộ máy khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp;

Thực hiện Thông báo số 2388-TB/TU ngày 12 tháng 8 năm 2025 của Ban Thường vụ Thành ủy thông báo kết luận của Ban Thường vụ Thành ủy về chủ trương thành lập Phòng kiểm tra chuyên ngành sau khi kết thúc hoạt động Thanh tra tại các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Giáo dục và Đào tạo, Y tế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 3563/TTr-SGDĐT ngày 08 tháng 9 năm 2025 và đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 5379/TTr-SNV ngày 09 tháng 9 năm 2025 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hà Nội;

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hà Nội.

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hà Nội là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý nhà nước về: Giáo dục mầm non; giáo dục phổ thông; giáo dục nghề nghiệp; giáo dục thường xuyên; giáo dục đại học và thực hiện các chức năng khác theo phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định của pháp luật.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hà Nội có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật; chấp hành sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân Thành phố; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Trụ sở chính: Số 81, phố Thọ Nhuộm và số 23, phố Quang Trung, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố

a) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố, quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, chính sách, biện pháp về phát triển sự nghiệp giáo dục trên địa bàn Thành phố phù hợp với chiến lược phát triển giáo dục quốc gia và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

b) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định các chính sách đặc thù đối với đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, viên chức, người lao động và người học trong các cơ sở giáo dục công lập;

c) Kế hoạch triển khai thực hiện quy hoạch phát triển hệ thống giáo dục, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, nguồn lực, kinh phí để đảm bảo các điều kiện tổ chức dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong giáo dục trên địa bàn theo thẩm quyền quy định;

d) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố theo quy định của pháp luật;

đ) Quyết định quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo;

e) Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

g) Quyết định việc phân cấp, ủy quyền nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục cho Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; phân cấp, ủy quyền cho đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý thực hiện liên tục, thường xuyên một hoặc một số nhiệm vụ mà Ủy ban nhân dân Thành phố được giao theo quy định của pháp luật;

h) Quyết định thực hiện xã hội hóa các hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố;

i) Quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp, tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị lĩnh vực giáo dục và đào tạo đối với các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý;

k) Hồ sơ về công nhận Thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục mức độ 3, xóa mù chữ độ 2 và đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận;

l) Các nội dung khác để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực giáo dục thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố và theo yêu cầu, đề nghị của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố

a) Ban hành các văn bản về lĩnh vực giáo dục thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố theo phân công;

b) Quyết định đưa tiếng dân tộc thiểu số vào dạy học theo quy định của Chính phủ và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

c) Quyết định ban hành đề án, kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, viên chức, người lao động trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố;

d) Phối hợp với Sở Nội vụ trình quyết định thành lập hội đồng trường, công nhận, bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch hội đồng trường, bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng trường; công nhận, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian công tác, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, thay đổi vị trí việc làm, khen thưởng, kỷ luật đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng các cơ sở giáo dục trực thuộc Thành phố theo tiêu chuẩn chức danh và thủ tục do pháp luật quy định;

đ) Quyết định cho phép thành lập, giải thể, chấm dứt hoạt động cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị theo quy định của pháp luật hiện hành;

e) Quyết định chuyển đổi loại hình cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị thành lập sang cơ sở hoạt động không vì lợi nhuận theo quy định của pháp luật hiện hành;

g) Quyết định công bố Thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục mức độ 1 và mức độ 2, xóa mù chữ mức độ 1 đối với Thành phố theo quy định;

h) Quyết định phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài theo quy định;

i) Quyết định cấp, gia hạn, chấm dứt hoạt động, sửa đổi, bổ sung quyết định cho phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam;

k) Quyết định cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, cấp lại, chấm dứt hoạt động, thu hồi giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam theo quy định;

l) Các nội dung khác để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực giáo dục thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Trình cấp có thẩm quyền quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền việc thành lập, cho phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, tổ chức lại, sáp nhập, chia, tách, giải thể, chuyển đổi loại hình các cơ sở giáo dục và quyết định thành lập, cho phép thành lập phân hiệu, chấm dứt hoạt động phân hiệu trường trung cấp thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Về tài chính, tài sản cho giáo dục

a) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện huy động các nguồn lực để phát triển giáo dục, bảo đảm quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục trực thuộc; quản lý tài sản của các cơ sở giáo dục được giao theo quy định của pháp luật;

b) Xây dựng dự toán ngân sách giáo dục, quyết định phân bổ, giao dự toán ngân sách đối với các cơ sở giáo dục trực thuộc sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt; duyệt quyết toán, thông báo quyết toán năm và tổng hợp báo cáo quyết toán ngân sách của các cơ sở giáo dục trực thuộc; phối hợp với Sở Tài chính xác định, cân đối ngân sách nhà nước chi cho giáo dục hằng năm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của địa phương trình cấp có thẩm quyền. Chịu trách nhiệm chi trả (hoặc ủy quyền cho cơ sở giáo dục chi trả), quyết toán kinh phí miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí theo quy định của pháp luật.

5. Về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, viên chức, người lao động và đào tạo, bồi dưỡng

a) Chủ trì thực hiện theo quy định của Luật Nhà giáo, quy định của pháp luật có liên quan và phân cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố đối với việc tuyển dụng, tiếp nhận, điều động, biệt phái, thuyên chuyển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, viên chức, người lao động trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố;

b) Chủ trì thực hiện quản lý, sử dụng, thay đổi chức danh nghề nghiệp, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá đối với đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, viên chức, người lao động trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố theo phân cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố và quy định của Luật Nhà giáo.

6. Về vị trí việc làm, cơ cấu công chức, viên chức theo chức danh nghề nghiệp và biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập

a) Phối hợp với Sở Nội vụ quyết định theo phân cấp hoặc trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định phê duyệt vị trí việc làm, điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc phạm vi quản lý; quản lý vị trí việc làm, viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố;

b) Phối hợp với Sở Nội vụ bảo đảm đủ biên chế công chức quản lý giáo dục, đủ số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước, số lượng hợp đồng lao động theo đề án vị trí việc làm được phê duyệt, đáp ứng các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, chịu trách nhiệm giải trình về hoạt động giáo dục, chất lượng giáo dục, quản lý đội ngũ viên chức, người lao động và người học, thực hiện chính sách phát triển giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý;

c) Phối hợp với Sở Nội vụ quyết định giao, điều chỉnh số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước cho các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố trong tổng số lượng người làm việc được Hội đồng nhân dân Thành phố phê duyệt theo quy định;

d) Quyết định theo phân cấp hoặc trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và các chế độ, chính sách về tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng và các chế độ chính sách khác theo quy định đối với viên chức, lao động hợp đồng trong các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật và theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố.

7. Về nội dung, chương trình giáo dục

a) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện công tác chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố; công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ, xây dựng trường chuẩn quốc gia và xây dựng xã hội học tập trên địa bàn Thành phố; đánh giá chất lượng giáo dục đối với các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố;

b) Quản lý về chuyên môn đối với việc thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên của các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trung tâm học tập cộng đồng, các trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên theo quy định. Chịu trách nhiệm giải trình về hoạt động giáo dục, chất lượng giáo dục, quản lý nhà giáo và người học, thực hiện chính sách phát triển giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý trước Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố và toàn xã hội;

c) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với người có chức danh theo dõi giáo dục thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã;

d) Tổng hợp nguyện vọng của người dân tộc thiểu số trên địa bàn và lập báo cáo về việc đảm bảo các điều kiện và đưa tiếng dân tộc thiểu số vào dạy học và tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định về việc dạy học tiếng dân tộc thiểu số trên địa bàn.

8. Về tổ chức hoạt động và quản lý cơ sở giáo dục

a) Quyết định thành lập hội đồng trường, công nhận, bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch hội đồng trường, bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng trường và quyết định công nhận, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian công tác đến tuổi nghỉ hưu, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, thay đổi vị trí việc làm, khen thưởng, kỷ luật đối với người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu các cơ sở giáo dục công lập thuộc thẩm quyền quản lý; công nhận, bổ sung, kiện toàn hội đồng trường, hội đồng quản trị, công nhận, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế chủ tịch hội đồng trường, phó chủ tịch hội đồng trường, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng quản trị hoặc chấm dứt hoạt động của hội đồng quản trị của các cơ sở giáo dục tư thục thuộc thẩm quyền quản lý theo tiêu chuẩn chức danh và thủ tục do pháp luật quy định. Quyết định bổ nhiệm đối với người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu của các cơ sở giáo dục công lập thuộc phạm vi quản lý nhà nước từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên;

b) Tổ chức quản lý cơ sở giáo dục thường xuyên (trừ trung tâm học tập cộng đồng); cơ sở giáo dục nghề nghiệp; cơ sở giáo dục có cấp trung học phổ thông; cơ sở giáo dục chuyên biệt và các cơ sở giáo dục khác trên địa bàn;

c) Chỉ đạo, hướng dẫn công tác tuyển sinh, thi, cấp, thu hồi giấy chứng nhận, văn bằng, chứng chỉ;

d) Quản lý các hoạt động dạy học và giáo dục trong và ngoài nhà trường; chỉ đạo thực hiện hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống, an toàn trường học; tổ chức thực hiện kế hoạch triển khai Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; thực hiện và chỉ đạo thực hiện công tác truyền thông giáo dục trên địa bàn;

đ) Chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện hiệu quả chính sách giáo dục hòa nhập theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố; đảm bảo các điều kiện tối thiểu đáp ứng yêu cầu giáo dục hòa nhập tại địa phương; vận động và tổ chức, tạo điều kiện để người khuyết tật học hòa nhập tại cơ sở giáo dục;

e) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục;

g) Ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước về giáo dục của Sở Giáo dục và Đào tạo;

h) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng nội dung phối hợp quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục có liên quan của trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông trên địa bàn;

i) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục tổ chức đánh giá mức độ chuyển đổi số của đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý; cập nhật, công bố kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục trên Cổng thông tin điện tử và các phương tiện thông tin đại chúng bảo đảm tính bảo mật, toàn vẹn và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu giáo dục trong phạm vi được phân quyền;

k) Tổ chức tự đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ quan chuyên môn quản lý giáo dục ở địa phương và chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý tổ chức tự đánh giá mức độ chuyển đổi số theo quy định và bộ chỉ số do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

9. Về kiểm tra trong giáo dục

a) Hướng dẫn, kiểm tra các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục trong các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý;

b) Kiểm tra việc tuân thủ pháp luật đối với các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của cấp xã;

c) Thực hiện kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và xử lý vi phạm về giáo dục đối với các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật;

d) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn kiểm tra việc tổ chức và hoạt động của các Trung tâm giáo dục và đào tạo trên địa bàn;

đ) Hướng dẫn kiểm tra việc cấp, sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính hợp pháp khác cho giáo dục trên địa bàn Thành phố;

e) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về chế độ, chính sách đối với đội ngũ viên chức và người lao động tại các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý;

g) Hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân đối với các hệ thống công nghệ thông tin và cơ sở dữ liệu giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý.

10. Khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng các tổ chức, cá nhân có nhiều thành tích trong hoạt động giáo dục tại địa phương.

11. Hướng dẫn, giải quyết theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền giải quyết vướng mắc trong việc thực hiện chế độ, chính sách tiền lương, phụ cấp và tiền thưởng đối với đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, viên chức, người lao động trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật và theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố.

12. Hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc cập nhật thông tin, dữ liệu về giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý vào hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác, kịp thời và khả năng kết nối, liên thông dữ liệu với các hệ thống quản lý trường học và các cơ sở dữ liệu quốc gia liên quan; thực hiện công tác thống kê, báo cáo định kỳ và đột xuất, công khai trong lĩnh vực giáo dục của địa phương thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định với Ủy ban nhân dân Thành phố và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

13. Tổ chức thực hiện các dịch vụ công trong lĩnh vực giáo dục thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Giáo dục và Đào tạo.

14. Chịu trách nhiệm giải trình về hoạt động giáo dục, chất lượng giáo dục, quản lý nhà giáo và người học, thực hiện chính sách phát triển giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý trước Ủy ban nhân dân Thành phố, Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

15. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố.

16. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác trong phạm vi được phân định thẩm quyền, phân quyền, phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật và các quy định khác của cấp có thẩm quyền.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Các phòng và tương đương thuộc Sở (11 phòng)

- a) Văn phòng;
 - b) Phòng Tổ chức cán bộ;
 - c) Phòng Kế hoạch - Tài chính;
 - d) Phòng Kiểm tra chuyên ngành;
 - đ) Phòng Quản lý thi và Kiểm định chất lượng giáo dục;
 - e) Phòng Chính trị, tư tưởng và Công tác học sinh, sinh viên;
 - g) Phòng Giáo dục mầm non;
 - h) Phòng Giáo dục tiểu học;
 - i) Phòng Giáo dục trung học;
 - k) Phòng Giáo dục thường xuyên, Giáo dục nghề nghiệp và Đại học;
 - l) Phòng Giáo dục tư thực và có yếu tố nước ngoài.
2. Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở (có danh sách chi tiết kèm theo)
- a) Khối các trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông;
 - b) Khối Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên;
 - c) Khối cơ sở giáo dục nghề nghiệp;
 - d) Trường Bồi dưỡng cán bộ giáo dục Hà Nội;
 - đ) Khối các trường dành cho học sinh khuyết tật;
 - e) Khối các trường mầm non.

Điều 4. Giám đốc, Phó Giám đốc và số lượng cấp phó các tổ chức, đơn vị thuộc Sở

1. Giám đốc và Phó Giám đốc Sở
 - a) Sở Giáo dục và Đào tạo có Giám đốc và các Phó Giám đốc.
 - b) Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Sở theo Quy chế làm việc và phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố.
 - c) Phó Giám đốc Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Sở, giúp Giám đốc Sở thực hiện một hoặc một số

nhiệm vụ cụ thể do Giám đốc Sở phân công và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc Sở vắng mặt, một Phó Giám đốc Sở được Giám đốc Sở ủy quyền thay Giám đốc Sở điều hành các hoạt động của Sở. Phó Giám đốc Sở không kiêm nhiệm người đứng đầu tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

d) Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện chế độ chính sách khác đối với Giám đốc, Phó Giám đốc Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định theo quy định của Đảng và pháp luật.

đ) Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định hoặc trình cơ quan có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu các tổ chức, cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở theo phân cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố, theo tiêu chuẩn chức danh do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành.

2. Số lượng cấp phó phòng, ban, đơn vị thuộc Sở

a) Số lượng Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở thực hiện theo quy định của pháp luật;

b) Số lượng cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở, cấp phó của người đứng đầu phòng thuộc đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định.

Điều 5. Biên chế công chức, số lượng người làm việc

1. Biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo được giao trên cơ sở vị trí việc làm gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và nằm trong tổng biên chế công chức, tổng số lượng người làm việc của các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập của Thành phố được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt.

2. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và danh mục vị trí việc làm, cơ cấu chức danh công chức, viên chức được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hằng năm Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc theo quy định của pháp luật bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao trình Ủy ban nhân dân Thành phố để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 9 năm 2025 và thay thế Quyết định số 11/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hà Nội.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, các Điều, khoản quy định tại Quyết định này có thể được sửa đổi, bổ sung khi có sự thay đổi về quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu của công tác quản lý nhà nước.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Hồng Sơn

**DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP
THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**
(kèm theo Quyết định số 54/2025/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2025
của Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	Tên đơn vị	Ghi chú
*	Khối các trường Trung học phổ thông, Trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là Trung học phổ thông	
1	Trường Trung học phổ thông chuyên Chu Văn An	
2	Trường Trung học phổ thông chuyên Hà Nội - Amsterdam	
3	Trường Trung học phổ thông chuyên Nguyễn Huệ	
4	Trường Trung học phổ thông chuyên Sơn Tây	
5	Trường Trung học phổ thông Ba Vì	
6	Trường Trung học phổ thông Bắc Lương Sơn	
7	Trường Trung học phổ thông Bắc Thăng Long	
8	Trường Trung học phổ thông Bất Bạt	
9	Trường Trung học phổ thông Cao Bá Quát - Gia Lâm	
10	Trường Trung học phổ thông Cao Bá Quát - Quốc Oai	
11	Trường Trung học phổ thông Cầu Giấy	
12	Trường Trung học phổ thông Chúc Động	
13	Trường Trung học phổ thông Chương Mỹ A	
14	Trường Trung học phổ thông Chương Mỹ B	
15	Trường Trung học phổ thông Cổ Loa	
16	Trường Trung học phổ thông Đa Phúc	
17	Trường Trung học phổ thông Đại Cường	
18	Trường Trung học phổ thông Đại Mỗ	
19	Trường Trung học phổ thông Đan Phượng	

20	Trường Trung học phổ thông Đoàn Kết - Hai Bà Trưng	
21	Trường Trung học phổ thông Đông Anh	
22	Trường Trung học phổ thông Đông Mỹ	
23	Trường Trung học phổ thông Đông Đa	
24	Trường Trung học phổ thông Đồng Quan	
25	Trường Trung học phổ thông Đỗ Mười	
26	Trường Trung học phổ thông Dương Xá	
27	Trường Trung học phổ thông Hai Bà Trưng - Thạch Thất	
28	Trường Trung học phổ thông Hoài Đức A	
29	Trường Trung học phổ thông Hoài Đức B	
30	Trường Trung học phổ thông Hoài Đức C	
31	Trường Trung học phổ thông Hoàng Văn Thụ	
32	Trường Trung học phổ thông Hoàng Cầu	
33	Trường Trung học phổ thông Hồng Thái	
34	Trường Trung học phổ thông Hợp Thanh	
35	Trường Trung học phổ thông Khương Đình	
36	Trường Trung học phổ thông Kim Anh	
37	Trường Trung học phổ thông Kim Liên	
38	Trường Trung học phổ thông Lê Lợi	
39	Trường Trung học phổ thông Lê Quý Đôn - Đống Đa	
40	Trường Trung học phổ thông Lê Quý Đôn - Hà Đông	
41	Trường Trung học phổ thông Liên Hà	
42	Trường Trung học phổ thông Lưu Hoàng	
43	Trường Trung học phổ thông Lý Thường Kiệt	

44	Trường Trung học phổ thông Lý Tử Tấn	
45	Trường Trung học phổ thông Mê Linh	
46	Trường Trung học phổ thông Minh Hà	
47	Trường Trung học phổ thông Minh Khai	
48	Trường Trung học phổ thông Minh Phú	
49	Trường Trung học phổ thông Minh Quang	
50	Trường Trung học phổ thông Mỹ Đình	
51	Trường Trung học phổ thông Mỹ Đức A	
52	Trường Trung học phổ thông Mỹ Đức B	
53	Trường Trung học phổ thông Mỹ Đức C	
54	Trường Trung học phổ thông Ngô Quyền - Ba Vì	
55	Trường Trung học phổ thông Ngô Thị Nhậm	
56	Trường Trung học phổ thông Ngọc Hồi	
57	Trường Trung học phổ thông Ngọc Tảo	
58	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Du - Thanh Oai	
59	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Gia Thiều	
60	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Quốc Trinh	
61	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Thị Minh Khai	
62	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Trãi - Ba Đình	
63	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Trãi - Thường Tín	
64	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Cừ	
65	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Trỗi	
66	Trường Trung học phổ thông Nhân Chính	
67	Trường Trung học phổ thông Phạm Hồng Thái	

68	Trường Trung học phổ thông Phan Đình Phùng	
69	Trường Trung học phổ thông Phan Huy Chú - Quốc Oai	
70	Trường Trung học phổ thông Phan Huy Chú - Đống Đa	
71	Trường Trung học phổ thông Phú Xuyên A	
72	Trường Trung học phổ thông Phú Xuyên B	
73	Trường Trung học phổ thông Phúc Lợi	
74	Trường Trung học phổ thông Phúc Thịnh	
75	Trường Trung học phổ thông Phúc Thọ	
76	Trường Trung học phổ thông Phùng Khắc Khoan - Thạch Thất	
77	Trường Trung học phổ thông Quang Minh	
78	Trường Trung học phổ thông Quảng Oai	
79	Trường Trung học phổ thông Quang Trung - Đống Đa	
80	Trường Trung học phổ thông Quang Trung - Hà Đông	
81	Trường Trung học phổ thông Quốc Oai	
82	Trường Trung học phổ thông Sóc Sơn	
83	Trường Trung học phổ thông Tân Dân	
84	Trường Trung học phổ thông Tân Lập	
85	Trường Trung học phổ thông Tây Hồ	
86	Trường Trung học phổ thông Thạch Bàn	
87	Trường Trung học phổ thông Thạch Thất	
88	Trường Trung học phổ thông Thăng Long	
89	Trường Trung học phổ thông Thanh Oai A	
90	Trường Trung học phổ thông Thanh Oai B	
91	Trường Trung học phổ thông Thọ Xuân	

92	Trường Trung học phổ thông Thượng Cát	
93	Trường Trung học phổ thông Thường Tín	
94	Trường Trung học phổ thông Tiên Phong	
95	Trường Trung học phổ thông Tiến Thịnh	
96	Trường Trung học phổ thông Tô Hiệu - Thường Tín	
97	Trường Trung học phổ thông Trần Đăng Ninh	
98	Trường Trung học phổ thông Trần Hưng Đạo - Hà Đông	
99	Trường Trung học phổ thông Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	
100	Trường Trung học phổ thông Trần Nhân Tông	
101	Trường Trung học phổ thông Trần Phú - Hoàn Kiếm	
102	Trường Trung học phổ thông Trung Giã	
103	Trường Trung học phổ thông Trung Văn	
104	Trường Trung học phổ thông Trương Định	
105	Trường Trung học phổ thông Tự Lập	
106	Trường Trung học phổ thông Tùng Thiện	
107	Trường Trung học phổ thông Ứng Hoà A	
108	Trường Trung học phổ thông Ứng Hoà B	
109	Trường Trung học phổ thông Vân Cốc	
110	Trường Trung học phổ thông Vân Nội	
111	Trường Trung học phổ thông Vân Tảo	
112	Trường Trung học phổ thông Vạn Xuân - Hoài Đức	
113	Trường Trung học phổ thông Việt Đức	
114	Trường Trung học phổ thông Việt Nam - Ba Lan	
115	Trường Trung học phổ thông Xuân Đình	

116	Trường Trung học phổ thông Xuân Giang	
117	Trường Trung học phổ thông Xuân Khanh	
118	Trường Trung học phổ thông Xuân Mai	
119	Trường Trung học phổ thông Xuân Phương	
120	Trường Trung học phổ thông Yên Hoà	
121	Trường Trung học phổ thông Yên Lãng	
122	Trường Trung học phổ thông Yên Viên	
123	Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Khương Hạ	
124	Trường Phổ thông dân tộc nội trú	
*	Khối Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	
1	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Ba Đình	
2	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Ba Vì	
3	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Cầu Giấy	
4	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Chương Mỹ	
5	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Đan Phượng	
6	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Đông Anh	
7	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Đông Đa	
8	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Gia Lâm	
9	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Hà Đông	
10	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Hai Bà Trưng	
11	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Hoài Đức	
12	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Nguyễn Văn Tố - Hoàn Kiếm	

13	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Hoàng Mai	
14	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Long Biên	
15	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Mê Linh	
16	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Mỹ Đức	
17	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Nam Từ Liêm	
18	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Phú Xuyên	
19	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Phúc Thọ	
20	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Quốc Oai	
21	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Sóc Sơn	
22	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Sơn Tây	
23	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Tây Hồ	
24	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Thạch Thất	
25	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Thanh Oai	
26	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Thanh Trì	
27	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Thanh Xuân	
28	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Thường Tín	
29	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Ứng Hòa	
*	Khối Cơ sở Giáo dục nghề nghiệp	
1	Trường Trung cấp nghề số 1 Hà Nội	
2	Trường Trung cấp nghề Tổng hợp Hà Nội	
3	Trường Trung cấp nghề Giao thông công chính Hà Nội	
4	Trường Trung cấp nghề Cơ khí I Hà Nội	

5	Trường Trung cấp nghề Nấu ăn - Nghiệp vụ du lịch và Thời trang Hà Nội	
6	Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật và Công nghệ Hà Nội	
7	Trường Trung cấp Xây dựng Hà Nội	
8	Trường Trung cấp Kỹ thuật tin học Hà Nội	
9	Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Thăng Long	
*	Trường Bồi dưỡng cán bộ giáo dục Hà Nội	
*	Khối trường dành cho học sinh khuyết tật	
1	Trường Tiểu học Bình Minh	
2	Trường Phổ thông cơ sở Nguyễn Đình Chiểu	
3	Trường Phổ thông cơ sở Xã Đàn	
*	Khối trường mầm non	
1	Trường Mầm non B	
2	Trường Mầm non Việt triều Hữu nghị	